

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST

Ngày: 11 - 7 - 2023

Về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Sơn

2. Ông Nguyễn Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Bích Hậu - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Đức- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Minh Đ**, sinh năm: 1974

Địa chỉ: 11-15 đường Bùi V, phường Hòa Thọ Đ1, quận Cẩm L, T phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm: 1971 và/hoặc ông Trần QuAg T1, sinh năm: 1997; địa chỉ: 45 Nguyễn K, phường Hòa Cường B, quận Hải C, thành phố Đà Nẵng, theo quyết định số 1306/2023/QĐ/ĐPL-ĐN- Ông T1 có mặt, ông T xin vắng mặt;

**2. Bị đơn:** Bà **Đặng Thị A**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: 81C Lê Văn H, phường Khuê M, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 01 năm 2023 nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ trình bày:

Tôi quen biết với bà Đặng Thị A khi bà A đang làm việc tại Bảo hiểm Hanwha Lafe Hàn Quốc, bà A gặp và đề nghị với tôi nếu có tiền cho bà vay để bà hoạt động kinh doanh, tôi thấy mức lãi suất bà A đưa ra cũng hiệu quả nên tôi vay lại tiền của Anh tôi (mức lãi thấp hơn) để cho bà A vay, cụ thể:

Ngày 25/9/2019, tại địa chỉ: 302 Lê Đại Hành, phường Hoà Phát, quận Cẩm L, TP. Đà Nẵng, tôi và bà Đặng Thị A lập hợp đồng vay tiền, theo đó; bà Đặng Thị A vay của tôi với số tiền 40.000.000 đồng vay để kinh doanh; thời hạn vay 15 ngày đến 01 tháng; lãi suất 20%/01 năm.

Ngày 07/10/2019, tại địa chỉ: 302 Lê Đại Hành, phường Hoà Phát, quận Cẩm L, TP. Đà Nẵng, tôi và bà Đặng Thị A tiếp tục lập hợp đồng vay tiền, theo đó; bà A vay của tôi số tiền 200.000.000 đồng với mục đích dùng để kinh doanh và lãi suất 5%/tháng, ngày 10 - 12 hàng tháng trả tiền lãi và sẽ thanh toán toàn tiền gốc và lãi trong vòng từ 3 - 6 tháng (trong hạn);

Như vậy, bà Đặng Thị A vay của tôi tổng cộng: 240.000.000 đồng và đã quá thời hạn trả tiền vay. Tuy nhiên, bằng mọi cách thức như gọi điện, hẹn gặp mặt, hay gửi thư mà bà A vẫn không chịu thanh toán cho tôi khoản nợ trên.

Việc bà A cố tình chây ỳ không chịu thanh toán khoản nợ gốc và lãi, vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Đặng Thị A thanh toán một lần cho tôi toàn bộ khoản nợ gốc và nợ lãi, cụ thể:

Nợ gốc: 240.000.000 đồng.

Nợ lãi: đề nghị thanh toán lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, tính đến giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả:  $= (240.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/1\text{năm} \times (\text{thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc trong hạn, tạm tính từ } 07/10/2019 \text{ đến } 07/4/2020 \text{ là } 6 \text{ tháng})) = 240.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng \times 6 \text{ tháng} = 23.904.000 \text{ đồng}$ , tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả:  $= (240.000.000\text{đ}) \times (150\% \text{ lãi suất các bên thỏa thuận: } 20\%/năm) \times (\text{tạm tính từ } 08/4/2020 \text{ đến } 08/7/2022 \text{ là } 28 \text{ tháng}) = 240.000.000 \text{ đồng} \times 2.49\%/tháng \times 28 \text{ tháng} = 167.328.000 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng lãi: 23.904.000 đồng + 167.328.000 đồng = 191.232.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi: 240.000.000 đồng + 191.232.000 đồng = 431.232.000 đồng.

Bị đơn bà Đặng Thị A đã được tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bà A trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng bà A vẫn vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời nguyên đơn cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn là bà Đặng Thị A đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ đối với bà Đặng Thị A.

Buộc bà Đặng Thị A phải trả số tiền gồm: nợ gốc 240.000.000 đồng; trong đó: hợp đồng vay tiền ngày 25/9/2019 là 40.000.000 đồng và hợp đồng vay tiền ngày 07/10/2019 là 200.000.000 đồng. nợ lãi là 110.838.812 đồng; trong đó: hợp đồng vay tiền ngày 25/9/2019 là 45.205.479 đồng và hợp đồng vay tiền ngày 07/10/2019 là 65.633.333 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi của hai hợp đồng 350.838.812 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn minh Đ đối với bà Đặng Thị A số tiền 146.129.188 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Đặng Thị A vắng mặt. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà A nhưng bà A vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà A theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Do có mối quan hệ quen biết, nên vào 25/9/2019, bà Đặng Thị A có ký hợp đồng vay tiền của ông Nguyễn Minh Đ số tiền 40.000.000 đồng, mục đích kinh doanh, lãi suất 20%/năm, thời hạn vay 15 ngày đến 01 tháng; ngày 07/10/2019 bà A tiếp tục ký hợp đồng vay tiền của ông Đ 200.000.000 đồng, mục đích kinh doanh, lãi suất 0.5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng đến 06 tháng và cam kết sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho ông Nguyễn Minh Đ.

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của ông Đ, bà A đã không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết. Do bà A đã không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết nên ông Đ đã nhiều lần yêu cầu bà A trả số tiền nợ trên nhưng bà A vẫn cố tình trốn tránh trách nhiệm việc trả nợ cho ông Đ dẫn đến việc phát sinh tranh chấp. Căn cứ ban đầu ông Nguyễn Minh Đ khởi kiện bà Đặng Thị A yêu cầu trả lại số tiền vay là hợp đồng vay tiền ngày 25/9/2019 và ngày 07/10/2019 do bà Đặng Thị A ký.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quang T1 yêu cầu bà Đặng Thị A phải trả số tiền gốc là 240.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Tính đến ngày 08/7/2023, cụ thể:

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả:  $(240.000.000\text{đ}) \times (20\%/1 \text{ năm}) \times (\text{thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc trong hạn, tạm tính từ } 07/10/2019 \text{ đến } 07/4/2020 \text{ là } 6 \text{ tháng}) = 240.000.000\text{đ} \times 1,66\%/tháng \times 6 \text{ tháng} = 23.904.000 \text{ đồng};$

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả:  $(240.000.000\text{đ}) \times (150\% \text{ lãi suất vay do các bên thỏa thuận: } 20\%/năm) \times (\text{tạm tính từ } 08/4/2020 \text{ đến } 08/7/2023) = 240.000.000 \text{ đồng} \times 2,49\%/tháng \times 39 \text{ tháng} = 233.064.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng cả gốc và lãi:  $240.000.000\text{đ} + 256.968.000\text{đ} = 496.968.000 \text{ đồng}.$

Xét thấy rằng số tiền bà A nợ ông Đ đã lâu nhưng bà A không có thiện chí trả nợ dứt điểm cho ông Đ. Vì vậy, việc ông Đ yêu cầu bà A trả nợ là hoàn toàn chính đáng và phù hợp, xét cần chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa hôm nay về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ về việc yêu cầu trả lại tiền đối với bà Đặng Thị A là có căn cứ.

Về yêu cầu tính lãi: Hội đồng xét xử xác định đây là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi nên đối với số tiền trên bà A phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019; cụ thể:

Đối với hợp đồng vay tiền ngày 25/9/2019, với số tiền là 40.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày đến 01 tháng, lãi suất 20%/năm; theo đó:

- Lãi trên nợ gốc chưa trả: Tính từ ngày 25/9/2019 đến ngày 25/10/2019;  $40.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm : 365 \times 30 \text{ ngày} = 657.534 \text{ đồng};$

- Lãi quá hạn: Tính từ ngày 26/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/7/2023)  $40.000.000 \text{ đồng} \times (150\% \times 20\%) : 365 \times 1.355 \text{ ngày} = 44547945 \text{ đồng}.$   
Tổng cộng: 45.205.479 đồng.

Đối với hợp đồng vay tiền ngày 07/10/2019, với số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng đến 06 tháng, lãi suất 0.5%/tháng; theo đó:

- Lãi trên nợ gốc chưa trả: Tính từ ngày 07/10/2019 đến ngày 07/4/2020;  $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,5\%/tháng : 30 \times 184 \text{ ngày} = 6.133.333 \text{ đồng};$

- Lãi quá hạn: Tính từ ngày 08/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/7/2023)  $200.000.000 \text{ đồng} \times (150\% \times 0.5\%) : 30 \times 1.190 \text{ ngày} = 59.500.000 \text{ đồng}$ .  
Tổng cộng: 65.633.333 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi của hai hợp đồng: 350.838.812 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ đối với bà Đặng Thị A số tiền lãi là 146.129.188 đồng.

Hội đồng xét xử xét quaA điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Đặng Thị A là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ; buộc bà Đặng Thị A phải trả cho ông Nguyễn Minh Đ số tiền nợ gốc của hai hợp đồng là 240.000.000 đồng và tiền lãi của hai hợp đồng tính đến ngày 11/7/2023 là 110.838.812 đồng, là phù hợp theo Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo giá ngạch là 5% đối với số tiền phải trả.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi 7.306.459 đồng không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu 7.306.459 đồng.

**Vì các lẽ trên.**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Nguyễn Minh Đ đối với bà Đặng Thị A.

**Tuyên xử:** Buộc bà Đặng Thị A phải trả cho ông Nguyễn Minh Đ số tiền nợ là 350.838.812 đồng (trong đó nợ gốc là 240.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 11/7/2023 là 110.838.812 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ đối với bà Đặng Thị A số tiền lãi là 146.129.188 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Án phí dân sự sơ thẩm: - Bà Đặng Thị A phải chịu 17.541.940 đồng.

- Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 7.306.459 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.625.000 đồng đã nộp, theo biên lai thu số 0009540 ngày 27/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh Đ số tiền tạm ứng án phí 3.318.541 đồng đã nộp, theo biên lai thu số 0009540 ngày 27/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Lâm**